

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Kiều Oanh;
- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2026/TLST-LĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 240/2026/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày: 25/04/1989; Số CCCD: 0771XXXXXXXX do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/05/2021; HKTT: Ấp C, Thạch Đ, xã B, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH P; Địa chỉ: D Quốc lộ A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo uỷ quyền là: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1976 (Văn bản uỷ quyền số 2402-GUQ/PYV/2026 ngày 24/02/2026).

2. Bà Đoàn Thị Minh T1, sinh ngày: 11/11/1991; số CCCD: 0801XXXXXXXX do Cục C về TTXH cấp ngày 20/12/2021; HKTT: Ấp B N, T, Long An; Địa chỉ tạm trú: B B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Bà A, ông T và bà T1 đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Đoàn Thị Kiều A trình bày tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 24/7/2025 và Bản tự khai ngày 24/02/2026 như sau:

Khoảng năm 2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn và chưa đủ tuổi đi làm nên bà Đoàn Thị Minh T1 (em ruột của bà) có mượn chứng minh nhân dân của bà để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH P, địa chỉ D Quốc lộ A, phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty và bà T1 có thỏa thuận và ký Hợp đồng lao động làm việc từ khoảng tháng 01/2009 đến tháng 01/2010. Sau đó, bà Đoàn Thị Minh T1 nghỉ việc tại Công ty TNHH P.

Năm 2007, bà có ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH G tại địa chỉ: Khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Long An. Mã số BHXH: 4807XXXXXX thời gian đóng BHXH từ tháng 8/2007 đến tháng 5/2025. Vào tháng 7/2025, bà có làm thủ tục nhận bảo hiểm thì phát hiện số sổ BHXH 7908XXXXXX có thời gian đóng bảo hiểm từ khoảng tháng 01/2009 đến tháng 01/2010 đây là thời gian bà Đoàn Thị Minh T1 mượn chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH P. Do đó, BHXH không giải quyết cho bà gộp sổ và nhận tiền BHXH.

Nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH P với bà Đoàn Thị Kiều A (thực tế là bà Đoàn Thị Minh T1 ký) giai đoạn từ khoảng tháng 01/2009 đến tháng 01/2010 vô hiệu để bà hoàn tất hồ sơ gộp sổ và nhận tiền BHXH. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Vì lý do công việc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P do ông Huỳnh Văn T làm người đại diện theo uỷ quyền có Bản tự khai ngày 24/02/2026 trình bày như sau:*

Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty) xác nhận: Có giao kết hợp đồng lao động với người có thông tin dưới đây:

Họ và tên: ĐOÀN THỊ KIỀU A, Ngày sinh: 25/04/1989, Giới tính: Nữ

Số CMND: 3013XXXXXX Ngày cấp: 15/11/2004 Nơi cấp: LONG AN

Địa chỉ thường trú: N-T-T-LONG AN

Số thẻ nhân viên: 0171-XXXXXXX. Thuộc phân xưởng: 0171

Thời việc kể từ ngày: 31/01/2010

Ngày vào xưởng: 02/06/2008

Số sổ BHXH: 7908XXXXXX

Thời gian tham gia BHXH: 07/2008 đến 01/2010 (01 năm 07 tháng)

Công ty đã chốt và trả sổ BHXH cho người lao động ngày: 11/10/2013

Hợp đồng lao động vì đã lâu nên Công ty không còn lưu giữ.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động, Công ty không thể biết được người lao động cung cấp hồ sơ không trung thực. Vì vậy trong trường hợp này Công ty không có lỗi.

Vậy nên, đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu nếu thực tế có việc cho mượn hồ sơ để ký hợp đồng lao động như trình bày của bà Đoàn Thị Kiều A, thì Công ty đồng ý hợp đồng lao động trong vụ việc này vô hiệu. Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Ngoài ra, ông xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, hoà giải công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị Minh T1 có Bản tự khai ngày 24/02/2026 trình bày như sau:*

Bà xác nhận lời trình bày của bà A là đúng. Vì hoàn cảnh khó khăn và chưa đủ tuổi đi làm nên năm khoảng 2009 bà có mượn chứng minh nhân dân của chị ruột bà là bà Đoàn Thị Kiều A để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH P, địa chỉ D Quốc lộ A, phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty và bà có thỏa thuận và ký Hợp đồng lao động. Bà làm việc tại Công ty TNHH P đến tháng 01/2010 thì bà nghỉ việc. Nay bà Đoàn Thị Kiều A có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố

Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH P với bà Đoàn Thị Kiều A (thực tế là bà Đoàn Thị Minh T1 ký) giai đoạn từ khoảng tháng 01/2009 đến tháng 01/2010 vô hiệu thì bà thống nhất và không có ý kiến gì. Bà cũng thống nhất với bà A về việc không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Vì lý do công việc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự.

+ *Về nội dung:* Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Điều 15, 16, 50 Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đoàn Thị Kiều A về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị Kiều A với Công ty TNHH P vô hiệu.

+ *Về lệ phí giải quyết việc dân sự:* Bà Đoàn Thị Kiều A phải chịu lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Bà Đoàn Thị Kiều A yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động mang tên Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 25/04/1989, giới tính nữ, số CMND: 301317684, ngày cấp 15/11/2004, nơi cấp: Long An đã ký với Công ty TNHH P là vô hiệu. Đây là loại việc dân sự về: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được ký kết tại trụ sở của Công ty TNHH P có địa chỉ tại D Quốc lộ A, phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người yêu cầu là bà Đoàn Thị Kiều A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên họp nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời trình bày của bà A và bà T1: Cả hai đều thừa nhận vì hoàn cảnh khó khăn và chưa đủ tuổi lao động nên bà T1 có mượn chứng minh nhân dân của chị ruột bà là bà Đoàn Thị Kiều A để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH P, địa chỉ D Quốc lộ A, phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, sự việc bà T1 mượn chứng minh nhân dân của bà A là có thật.

[2.2] Theo xác nhận tại Công văn phúc đáp số 136/BHXXH-TST ngày 02/3/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở A1, Thành phố Hồ Chí Minh thì:

“1/ Căn cứ dữ liệu BHXH đang quản lý bà Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 25/4/1989, số CMND 3013XXXXX, có tham gia BHXH tại Công ty TNHH P, quá trình từ tháng 07/2008 đến tháng 01/2010, số BHXH 7908XXXXXX, đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần.

2/ Không có hồ sơ liên quan đính kèm do BHXH cơ sở An Lạc được phân cấp quản lý Công ty TNHH P từ tháng 04/2022”.

[2.3] Lời khai của bà A, bà T1 và kết quả đối chiếu dữ liệu của Bảo hiểm xã hội cơ sở An Lạc phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH P giao nộp nên có căn cứ xác định chủ thể tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P không phải là bà Đoàn Thị Kiều A mà là bà Đoàn Thị Minh T1 trực tiếp ký kết và làm việc. Đây là hành vi gian dối, vi phạm nguyên tắc «trung thực» khi giao kết hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, địa chỉ của người lao động quy định tại Điều 15, 16 Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Mặt khác, theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”.*

Do đó, yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[3] Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[4] Bà Đoàn Thị Kiều A không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đoàn Thị Kiều A phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0002366 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Dương sự đã nộp xong lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 15, 16, 49, 50 Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Kiều A về việc “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa người tên Đoàn Thị Kiều A, sinh ngày 25/4/1989, số CMND 301317684 và Công ty TNHH P từ tháng 7/2008 đến tháng 01/2010 vô hiệu.

Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Đoàn Thị Kiều A phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà A đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0002366 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà A đã nộp xong lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự, hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TP.HCM
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Kiều Oanh